

Bản án số: **18/ 2020/HS-ST**
Ngày 26 – 2 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hưng và ông Nguyễn Văn Đào

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

Ông Lý Đình Kiên - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 2 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/ 2020/ TLST-HS, ngày 17 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1982 tại huyện P, Thái Nguyên.

- Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954; Con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; có vợ là Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1982; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2019 đến ngày 09/01/2020 thì được hủy biện pháp ngăn chặn và áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1982

Trú tại: Xóm C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(có mặt tại phiên tòa)

2. Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1987

Trú tại: Xóm Trung Đ, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

Người chứng kiến: Anh Vũ Đức D, sinh năm 1982

Trú tại: Xóm X, xã Đ. Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 15/12/2019 tổ Công tác Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên đang tiến hành tuần tra tại khu vực Phố C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì phát hiện một N thanh niên đang điều khiển một xe mô tô nhãn hiệu Dream, BKS 20F7 – 4098 chở phía trước một bao tải dứa có biểu hiện nghi vấn là hàng cấm. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra thì thanh niên khai nhận tên là Nguyễn Văn N và tự giác giao nộp 01 bao tải dứa bên trong có chứa 10 khối hộp hình chữ nhật, mỗi khối được bọc bằng giấy màu đỏ, in chữ nước ngoài có kích thước 14,2cm x 14,2cm x 14,9 cm (N khai nhận đây là pháo nổ) do N mua từ huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng đưa N về trụ sở Công an huyện P để làm việc.

Hồi 09 giờ 15 phút ngày 16/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng 10 khối hộp hình chữ nhật, mỗi khối được bọc bằng giấy màu đỏ, in chữ nước ngoài có kích thước 14,2cm x 14,2cm x 14,9 cm, bên trong mỗi hộp đều có chứa 36 ống hình trụ tròn, kích thước mỗi ống cao khoảng 14,9cm đường kính gần 2,4cm thu giữ của Nguyễn Văn N có tổng khối lượng là 14 kg và lấy 02 hộp bất kỳ trong tổng số 10 hộp có khối lượng 2,8 kg (ký hiệu A1) làm mẫu gửi giám định

Tại kết luận giám định số: 12/KL- PC09 ngày 21/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: 02 hộp khối hộp hình chữ nhật có kích thước 14,2cm x 14,2cm x 14,9 cm bên ngoài được bọc bằng giấy màu đỏ, có in chữ nước ngoài, bên trong chứa 36 ống hình trụ tròn kích thước mỗi ống cao 14,9cm, đường kính 2,4cm được niêm phong (ký hiệu A1) là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt gây tiếng nổ)

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N khai nhận như sau: Khoảng 19 giờ ngày 15/12/2019, N có nhận được điện thoại của một người đàn ông tên Thùy, N không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể có nhờ N xem có ai bán pháo thì mua hộ Thùy, sau đó N đã điện thoại cho một người tên là Chính nhà ở huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và mua được của người này 10 hộp pháo với giá 550.000 đồng/1 hộp. Sau khi thỏa thuận xong N nói với Chính là mua pháo hộ người quen và hẹn hôm sau trả tiền, Chính đồng ý và bảo N để pháo ở gần Kè Gia Tư, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đến khoảng 20 giờ 10 phút ngày 15/12/2019, N một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, BKS 20F7 – 4098 đến khu vực Kè Gia Tư, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để lấy pháo. Khi đến nơi N thấy 01 bao tải dựa để bên lề đường N biết đây là pháo do Chính bán cho mình nên đã cầm bao tải dựa để lên giá đỡ hàng của xe mô tô rồi đi về. Khi về đến khu vực Phố C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên

Vật chứng của vụ án gồm:

+ 10 hộp hình chữ nhật, mỗi hộp được bọc bằng giấy màu đỏ, in chữ nước ngoài có kích thước 14,2cm x 14,2cm x 14,9 cm, bên trong mỗi hộp đều có chứa 36 ống hình trụ tròn, kích thước mỗi ống cao khoảng 14,9cm đường kính gần 2,4cm. Đã lấy 02 hộp bất kỳ trong tổng số 10 hộp có khối lượng 2,8 kg làm mẫu giám định. Hiện còn 08 hộp có khối lượng 11,2 kg được niêm phong vào thùng catton (ký hiệu A2).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn N được niêm phong vào bì thư ký hiệu B

+ 01 xe máy nhãn hiệu Dream BKS 20F7 – 4098.

Tại phiên tòa Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Quyết định truy tố số: 23/QĐ-VKSPB, ngày 17-01-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội: “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát gửi nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “ Tàng trữ hàng cấm”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Văn N từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điều 46, điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử lý vật chứng như sau:

- + Tịch thu tiêu hủy 08 hộp có khối lượng 11,2 kg được niêm phong vào thùng catton (ký hiệu A2).

- + Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn N được niêm phong vào bì thư ký hiệu B; 01 xe máy nhãn hiệu Dream BKS 20F7 – 4098.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nói lời sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ 40 phút tại khu vực xóm Cầu Ca, xã K, huyện P, Nguyễn Văn N đã có hành vi vận chuyển 10 khối hộp hình chữ nhật, mỗi khối được bọc bằng giấy màu đỏ, in chữ nước ngoài có kích thước 14,2cm x 14,2cm x 14,9 cm. Qua giám định tất cả số pháo thu giữ của Nguyễn Văn N đều là pháo nổ, có tổng trọng lượng là 14kg.

Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, HĐXX kết luận Nguyễn Văn N phạm tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Nội dung Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

c) Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. HĐXX xác định:

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ hàng cấm”, khung hình phạt mà bị cáo phải chịu trách nhiệm thuộc trường hợp là tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sử dụng, tàng trữ hàng cấm là pháo nổ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa

phương, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo về hành vi thực hiện tội phạm của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, khi quyết định hình phạt HĐXX sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, không nhằm thu lời bất chính, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử lý vật chứng như sau:

- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen, số imel 31960, máy cũ đã qua sử dụng do bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội (liên hệ việc mua pháo) và 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Dream BKS 20F7 – 4098 dùng để vận chuyển pháo, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 08 (tám) hộp hình chữ nhật có khối lượng 11,2kg được niêm phong vào thùng catton, ký hiệu A2. Xét đây là vật chứng phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, mức hình phạt chính, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp. HĐXX thấy rằng: bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy HĐXX thấy không cần phải bắt bị cáo cách ly khỏi xã hội vẫn có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội. Mặt khác, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không gây ảnh

hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy cần chấp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ pháp luật áp dụng:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 191; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

3. Về hình phạt chính: Xử phạt Nguyễn Văn N **09** (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/02/2020)

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Văn N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu tiêu hủy 08 hộp có khối lượng 11,2 kg được niêm phong vào thùng catton (ký hiệu A2).

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn N được niêm phong vào bì thư ký hiệu B; 01 xe máy nhãn hiệu Dream BKS 20F7 – 4098.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/2/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P)

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo (Nguyễn Văn N); Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị Hương G) biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Anh Dương Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo;
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Lý